

Bản án số: 93/2024/DS-ST
Ngày: 26 - 6 - 2024
V/v đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Du Thanh Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Hữu Hiệp

Ông Trần Công Đăng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Yến Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 26 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 18/2024/TLST-DS, ngày 11 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp đòi lại tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2024/QĐXX-ST ngày 08 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Loan T, sinh năm 2001

Địa chỉ cư trú: Ấp F, xã N, huyện U, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Bị đơn:

1/Ông Phan Văn D, sinh năm 1979

2/Bà Phan Kim T1, sinh năm 1980

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp F, xã N, huyện U, tỉnh Cà Mau (Ông D có mặt, bà T1 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/12/2023 và tại phiên tòa bà Nguyễn Loan T trình bày:

Bà là cháu ruột của ông D, kêu ông D bằng ông cậu, bà nội của bà nói ông D đã nhận tiền cọc của người khác để bán phần đất tại ấp F, xã N, huyện U, trên đất có căn nhà tình nghĩa nên muốn có người thân mua lại để lưu giữ kỷ niệm mà bà cố từng sinh sống nên bà T nhận chuyển nhượng lại phần đất trên cho bà nội

của bà T được vui. Sau đó, bà liên hệ với ông D và vợ là bà T1 để hỏi chuyên nhượng lại phần đất này, sau khi thoả thuận, ông D nói bà muốn mua đất thì đưa tiền cho ông để trả lại tiền cọc của người khác cũng như chuộc lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ Ngân hàng ra, để chuyên nhượng lại cho bà T nên bà nhiều lần đã đưa tiền cho ông D với số tiền 258.000.000 đồng, khi ông D nhận tiền của bà rồi trả tiền Ngân hàng, lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ Ngân hàng ra nhưng khi ông D tiến hành giao đất, không đúng với vị trí thoả thuận, lý do đó bà không đồng ý vì bà muốn chuyên nhượng phần đất có căn nhà tình nghĩa để làm kỷ niệm nên bà và ông D chấm dứt không chuyên nhượng đất nữa. Ngày 22/5/2023 ông D xin trả lại tiền bằng 2 lần nên bà đồng ý và ông D làm cam kết có chứng nhận của T2 ấp 6 nơi cư trú, đến ngày 22/6/2023 ông D có trả được 100.000.000 đồng, còn lại 158.000.000 đồng đã quá thời gian cam kết nhưng ông D, bà T1 không thực hiện. Bà T yêu cầu ông D, bà T1 trả số tiền còn lại là 158.000.000 đồng. Đối với thoả thuận chuyên nhượng đất giữa bà với ông D, bà T1 chưa được thực hiện, chưa giao nhận với nhau, ông D đang quản lý nên không có tranh chấp.

- Tại phiên toà ông Phan Văn D trình bày: Ông với bà T có thoả thuận ông chuyên nhượng lại cho bà T 2 phần đất trong đó có phần đất có căn nhà tình nghĩa như bà T trình bày, phần đất có nhà tình nghĩa trước đây ông D đã chuyên nhượng lại cho ông K và ông K đã giao tiền cọc, bà T muốn chuyên nhượng lại phần đất này nên ông có thoả thuận với ông K chuộc lại, ông K đồng ý nhưng việc thoả thuận giữa ông với bà T không thực hiện được bà T không tiếp tục thoả thuận để chuyên nhượng đất nên 2 bên chấm dứt. Ông có nhận của bà T với số tiền 258.000.000 đồng và cam kết trả, ông đã trả được 100.000.000 đồng còn lại 158.000.000 đồng, ông D đồng ý trả cho bà T, yêu cầu được trả nhiều lần, nếu ông bán được đất thì trả dứt điểm cho bà T.

- Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà Phan Kim T1 đúng theo quy định pháp luật nhưng bà T1 không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của bà T và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa bà Nguyễn Loan T với ông Phan Văn D và bà Phan Kim T1 là quan hệ tranh chấp đòi lại tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bà Phan Kim T1 được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, xét xử vắng mặt bà T1 theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Bà Nguyễn Loan T với ông Phan Văn D xác định có thoả thuận bà T nhận chuyển nhượng lại phần đất của ông D, trên đất có căn nhà tình nghĩa nơi ông bà trước đây sinh sống để làm kỷ niệm nhưng hai bên không thực hiện được và đã chấm dứt, hiện tại không xảy ra tranh chấp liên quan phần đất này nên không xem xét.

Bà T và ông D thống nhất ông D có nhận của bà T số tiền 258.000.000 đồng, ông D đồng ý trả lại số tiền 258.000.000 đồng, ông D có cam kết trả bằng 2 lần, ông D đã trả được 100.000.000 đồng còn lại 158.000.000 đồng. Bà T yêu cầu ông D, bà T1 trả số tiền 158.000.000 đồng, ông D đồng ý trả cho bà T nên yêu cầu của bà T là có căn cứ. Ông D yêu cầu được trả tiền cho bà T bằng nhiều lần, bà T không đồng ý, phương thức yêu cầu của ông D trả tiền cho bà T, ông có quyền yêu cầu ở giai đoạn thi hành án.

Đối với bà Phan Kim T1 Tòa án đã tổng đạt họp lệ thông báo thụ lý vụ án và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng bà T1 không có ý kiến gì liên quan đến số tiền bà T yêu cầu và vắng mặt không lý do, mặt khác bà T1 và ông D là vợ chồng. Từ đó, cho thấy mặt nhiên bà T1 đã thừa nhận có nợ tiền của bà T.

Từ nhận định trên yêu cầu của bà T là có căn cứ chấp nhận. Buộc ông Phan Văn D và bà Phan Kim T1 trả cho bà Nguyễn Loan T số tiền 158.000.000 đồng.

[3] Về án phí:

Yêu cầu của bà Nguyễn Loan T được chấp nhận nên không phải chịu án phí, bà T đã nộp tiền tạm ứng án phí số tiền 3.950.000 đồng, trả lại cho bà T.

Án phí có giá ngạch trên số tiền ông Phan Văn D và bà Phan Kim T1 phải trả cho bà Nguyễn Loan T, ông D, bà T1 phải chịu án phí là 7.900.000 đồng, theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng: Điều 166 Bộ luật dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Loan T về việc yêu cầu ông Phan Văn D và bà Phan Kim T1 trả tiền.

- Buộc ông Phan Văn D và bà Phan Kim T1 trả cho bà Nguyễn Loan T số tiền 158.000.000 (Một trăm năm mươi tám triệu) đồng.

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông D, bà T1 chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì ông D, bà T1 còn phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí:

Trả lại cho bà Nguyễn Loan T tiền tạm ứng án phí với số tiền 3.950.000 (Ba triệu chín trăm năm mươi nghìn) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006162, ngày 10/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh.

Ông Phan Văn D và bà Phan Kim T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền là 7.900.000 (bảy triệu chín trăm nghìn) đồng.

Án xử sơ thẩm Bà Nguyễn Loan T và ông Phan Văn D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Phan Kim T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau (1b);
- VKSND tỉnh Cà Mau (1b)
- VKSND huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);
- Chi cục thi hành án huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);
- Các đương sự (mỗi đ/s 1b);
- Lưu hồ sơ, văn thư (1b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Dư Thanh Nguyễn

